

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 30/2002/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn tạm thời sử dụng

khoản tiền sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Triển khai Nghị quyết số 02/2002/NQ-CP ngày 04/2/2002 của Chính phủ, trong khi chưa sửa đổi bổ sung chế độ phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 27/1999/NĐ-CP ngày 20/4/1999 của Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn tạm thời về sử dụng khoản tiền sử dụng vốn Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước như sau:

I - QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng thông tư này là các doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước bao gồm: doanh nghiệp nhà nước độc lập, Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước thành viên Tổng công ty.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, không thuộc đối tượng áp dụng Thông tư này. Việc bổ sung vốn từ lợi nhuận sau thuế của các công ty này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và do Chủ sở hữu hoặc Đại diện chủ sở hữu Công ty quyết định.

2. Từ ngày 01/01/2002 Nhà nước không thu vào ngân sách khoản tiền sử dụng vốn Nhà nước có tại doanh nghiệp thuộc các đối tượng nêu tại điểm 1, Mục I Thông tư này.

Doanh nghiệp được sử dụng khoản tiền sử dụng vốn Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư tài sản nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước.

Riêng năm 2001, chế độ thu sử dụng vốn đối với doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 của Chính phủ về việc bổ sung một số giải pháp điều hành kế hoạch kinh tế năm 2001.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Từ ngày 01/01/2002, lợi nhuận thực hiện của doanh nghiệp sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; bù lỗ của các năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế; trả tiền vi phạm pháp luật Nhà nước như vi phạm luật thuế, luật giao thông, luật môi trường, luật thương mại và qui chế hành chính... sau khi đã

trừ tiền bồi thường tập thể hoặc cá nhân gây ra (nếu có); trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế được trích bổ sung vào vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (vốn kinh doanh- TK 411) số tiền bằng 1,8% số vốn Nhà nước tại doanh nghiệp được xác định theo quy định tại khoản 2 dưới đây.

Sau khi bổ sung vốn kinh doanh theo quy định trên, lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối theo quy định tại Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7/6/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận sau thuế và quản lý các quỹ trong doanh nghiệp Nhà nước (từ điểm 5 đến điểm 6 Phần B Mục II).

Trường hợp trích lập hai Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định không đủ hai tháng lương thực hiện, thì doanh nghiệp được giảm số tiền bổ sung vốn kinh doanh (từ lợi nhuận sau thuế) để đảm bảo đủ mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp bằng hai tháng lương thực hiện. Mức giảm tối đa bằng mức trích bổ sung vốn từ lợi nhuận sau thuế.

2. Đối với năm 2001:

Mức thu sử dụng vốn Nhà nước áp dụng chung cho mọi đối tượng bằng tỷ lệ 0,15%/tháng (1,8%/năm) nhân (x) với số vốn Nhà nước bình quân trong năm tính theo sổ kế toán của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

Vốn Nhà nước có tại doanh nghiệp được xác định như sau:

Đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, vốn Nhà nước có tại doanh nghiệp được thể hiện trên sổ kế toán của doanh nghiệp như sau:

Nguồn vốn kinh doanh (Tài khoản 411)

Nguồn vốn đầu tư xây dựng (Tài khoản 441)

Riêng đối với các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng: vốn Nhà nước có tại doanh nghiệp được thể hiện trên sổ kế toán như sau:

Vốn điều lệ (Tài khoản 601)

Vốn đầu tư xây dựng (Tài khoản 602)

Trong năm nếu có phát sinh về việc tăng, giảm vốn Nhà nước, thì tính bình quân gia quyền số vốn Nhà nước doanh nghiệp sử dụng trong năm theo công thức:

Số vốn		Số vốn		Số	x	Số		Số	x	Số
Nhà	=	Nhà	+	vốn		tháng	-	vốn		tháng
nước		nước		tăng		tăng		giảm		giảm
bình		đầu								
quân		năm								
trong				12				12		
năm										